

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số:107/2018/HS-PT
Ngày: 28-5-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Quý
Bà Bùi Kim Rết

- Thư ký tòa án: Bà Nguyễn Trần Trúc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 68/2018/HSPT ngày 14 tháng 03 năm 2018 đối với bị cáo Lê Vũ Hoàng Thái S, do có kháng cáo của bị cáo S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2018/HS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Vũ Hoàng Thái S (tên thường gọi: Tí), sinh năm 1984 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 40/1, khu phố 3, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Lê Văn N, sinh năm 1949; Mẹ: bà Vũ Thị N, sinh năm 1952; Vợ: Phạm Thị Thanh L, sinh năm 1991, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại.

Ngoài ra vụ án còn có nguyên đơn dân sự Công ty TNHH E (Việt Nam) do ông Chong Chun Fai J là đại diện theo pháp luật, ông Trần Minh Q là đại diện theo ủy quyền, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số F. Do nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Vũ Hoàng Thái S là nhân viên giao hàng của Công ty TNHH E Việt Nam chi nhánh Đồng Nai (gọi tắt là Công ty E). Vào khoảng 07 giờ ngày 13/7/2017, S đi đến kho của Công ty E tại địa chỉ số 707 đường Phạm Văn Thuận, khu phố 2, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để nhận hàng đi giao theo thường lệ. Đến khoảng 07 giờ 50 phút cùng ngày, trong quá trình nhận đi giao hàng, S nhìn thấy gói hàng không phân công cho S giao có mã vận đơn “FK423430” ghi thông tin hàng bên trong là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Gold 32G (có kèm theo phụ kiện) nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. Thực hiện ý định trên, S dùng 01 gói hàng có kích cỡ lớn hơn để che chắn phía trên rồi dùng tay đẩy gói hàng có mã số FK423430 rơi vào bên trong thùng xốp do S để sẵn bên dưới. Sau đó xếp các gói hàng mà S được phân công đi giao phía trên rồi chuyển toàn bộ thùng xốp ra ngoài để đi giao hàng. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại trên, S mang đến cửa hàng kinh doanh điện thoại “Hoàng Thu P” của anh Trần Văn Q tại địa chỉ 57/287, khu phố 1, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa bán được 5.000.000 đồng tiêu xài hết. Đến ngày 18/7/2017, sau khi phát hiện bị mất tài sản và kiểm tra hình ảnh trên hệ thống camera, xác định S là người đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên công ty E đã trình báo cơ quan công an.

Vật chứng vụ án gồm: 01 USB hiệu Apacer có lưu trữ đoạn video ghi hình S thực hiện hành vi phạm tội; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Gold 32G (có kèm theo phụ kiện bộ dây sạc và tai nghe) là hàng hóa của công ty E nhận vận đơn chuyển cho Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số F, địa chỉ số 261 – 263 Khánh Hội, phường 5, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh từ cửa hàng F tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đến cửa hàng F tại xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai được bọc trong gói hàng có mã số vận đơn “FK423430”. Sau khi bị phát hiện, S đã đến cửa hàng điện thoại “Hoàng Thu P” chuộc lại điện thoại và đã được cơ quan điều tra trả lại cho Công ty E.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 240/TCKH – HĐĐG ngày 31/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa đã kết luận: “01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Gold 32G, chưa qua sử dụng, mới 100% có giá trị 8.290.000 đồng.”

Về dân sự: Công ty E Việt Nam đã nhận lại chiếc điện thoại và không yêu cầu bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số F và anh Trần Văn Q không yêu cầu bồi thường.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 55/2018/HS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Vũ Hoàng Thái S phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa, đổi bổ sung năm 2009; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Lê Vũ Hoàng Thái S 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù

tính từ ngày bị bắt thi hành án. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/2/2018 bị cáo Lê Vũ Hoàng Thái S kháng cáo xin cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin được hưởng án treo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Xét đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp về nội dung, hình thức và trong thời hạn nên xem xét giải quyết. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo S 06 (sáu) tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không đưa ra được tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Vũ Hoàng Thái S khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 07 giờ 50 phút ngày 13/7/2017 tại kho hàng của Công ty E, Lê Vũ Hoàng Thái S vốn là nhân viên giao hàng của công ty, đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Gold 32G có kèm theo phụ kiện, trị giá 8.290.000 đồng của Công ty E. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ gồm: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả lại cho Công ty E nên thiệt hại xảy ra không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và xử phạt bị cáo mức án 06 (sáu) tháng tù là có căn cứ.

[3] Tuy nhiên, theo hồ sơ thể hiện sau khi bị phát hiện, bị cáo S đã đến cửa hàng điện thoại “Hoàng Thu P” chuộc lại điện thoại và đã được cơ quan điều tra trả lại cho Công ty E. Do vậy, cần xem xét cho bị cáo thêm tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Cấp sơ thẩm không xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ này là thiếu sót. Ngoài ra, cần xem xét hoàn cảnh bị cáo hiện nay là lao động chính trong gia đình hiện đang nuôi 02 con nhỏ, hành vi của bị cáo mang tính bột phát...

[4] Xét thấy, bị cáo có nhân thân lai lịch và nơi cư trú cụ thể rõ ràng; trước lần phạm tội này bị cáo là công dân tốt ở địa phương; bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Bên cạnh đó, bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52, có 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

[5] Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là 06 (sáu) tháng tù và áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 để cho bị cáo được hưởng án treo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và chứng cứ của vụ án nên được Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Vũ Hoàng Thái S. Sửa bản án sơ thẩm số 55/2018/HS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Lê Vũ Hoàng Thái S 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2018/HS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai; VKS sơ thẩm
- TAND cấp sơ thẩm;
- Công an cấp quận, huyện
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Bị cáo, đương sự trong vụ án
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Phụng